

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 30/11/ 2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Phổ biến từ 130-300mm, có nơi cao hơn, như trạm Láng 368mm, trạm Hà Giang 434mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tương đương với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 48%. + sông Lô: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn TBNN 465%. + Trên sông Đà: Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 10 giảm so với tháng trước do chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La và mưa trên lưu vực, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 43%. + Trên sông Hồng: Từ ngày 29/9-2/10 đã xảy ra 01 trận lũ trên sông Thao, sông Lô và hạ lưu sông Hồng. Đỉnh lũ hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đạt 9,56m (22h ngày 01/10) trên BĐ1 là 0,06m do mưa lớn trên lưu vực và các hồ thủy điện tuyến trên tăng cường điều tiết mở cửa xả (hồ Hòa Bình đã mở 02, hồ Tuyên Quang mở 08 và hồ Thác Bà mở 03 cửa xả) trong thời kỳ lũ này. Ngoài ra trong tháng 10 hồ Hòa Bình, Tuyên Quang tiếp tục mở cửa xả đáy điều tiết theo quy trình nên dòng chảy hạ lưu sông Hồng trung bình tháng 10 ở mức cao so với hàng năm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN 156% cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Phổ biến 30-70mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 35%. + Sông Lô: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Lô thấp hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang xấp xỉ TBNN. + Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế giảm so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 17%

+ Trong tháng 11: Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 230-300mm, có nơi cao hơn, như trạm Thái Nguyên: 574mm, Bắc Giang: 597mm...
- Trên sông Cầu, dòng chảy tăng mạnh trong nửa tháng đầu do trên sông Cầu đã xuất hiện 02 đợt lũ lớn liên tiếp; tổng lượng dòng chảy tháng 10 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 733% so với TBNN cùng kỳ.
- Trên sông Lục Nam lưu lượng nước đến tăng nhanh trong nửa tháng đầu, sau đó biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tháng 10 tại trạm Chũ cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 646%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-60mm, có nơi cao hơn.
- Trong tháng 11: Dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 24%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo thấp hơn 19%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa đến Nghệ An: 120-300mm, từ Hà Tĩnh đến Huế: 600-1000mm có nơi cao hơn như Huế: 1507mm, Nam Đông: 2358mm
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 10/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tháng trước; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 94%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 8%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 18%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50% + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng qua, trên các sông đã xuất hiện 2 đợt lũ từ ngày 21-25/10 và từ ngày 26-31/10. Lưu lượng dòng chảy tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 102%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực từ Thanh Hóa – Nghệ An phổ biến 40-140mm, khu vực từ Hà Tĩnh-Quảng Trị: 250-550mm, Tp Huế từ 700-900mm, có nơi cao hơn 1000mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 11/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tháng trước, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy

cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 7%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 73%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 62%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 11/2025, trên các sông trong khu vực khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ và dao động. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở mức cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 148%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Từ thành phố Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: 750-1100mm riêng Trà My: 2141mm, phía đông của Gia Lai-Đắk Lắk, Khánh Hòa: 350-600mm
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 26-31/10, trên các sông từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ lớn, riêng trên sông Vu Gia-Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) xuất hiện lũ đặc biệt lớn. Lưu lượng dòng chảy tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 52%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 34%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng qua, trên thượng và trung lưu các sông đã xảy ra 1-3 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng, tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 27%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 22%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 40%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 57%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 72% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 700-1100mm, có nơi cao hơn; phía nam 400-700mm có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 11/2025, trên các sông trong khu vực có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Dòng chảy trên các sông ở mức cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 58%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 44%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có khả năng tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 38%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 34% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-300mm, có nơi cao hơn.

-Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-300mm, có nơi cao hơn
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng 10 trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tháng trước, riêng thượng lưu sông Đăkbla và sông Krông Búk lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 8%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 70-130mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, trên lưu vực Sê San và Srêpôk có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2; lưu lượng dòng chảy các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 22%. + Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế xuống dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức cao hơn từ 12-20% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/12/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 30/11/2025

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	190	>49	30-60	<10-20
	Sơn La	111	>113	15-30	<10-20
	Hòa Bình	111	<29	20-40	<10-20
	Lào Cai	137	>37	30-50	<10-20
	Yên Bái	96	<32	30-50	<10-20
	Tuyên Quang	314	>219	30-50	<10-20
	Hà Giang	434	>209	40-60	<10-20
	Láng	368	>228	30-50	<10-20
	Thái Bình	316	>120	40-60	<10-20
	Nam Định	162	>4	30-50	<10-20
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	290	>394	20-40	<10-20
	Thái Nguyên	574	>493	30-50	<10-20
	Bắc Ninh	241	>127	30-50	<10-20
	Lạng Sơn	216	>207	20-40	<10-20
	Bắc Giang	567	>626	20-40	<10-20
	Hải Dương	232	>136	30-60	<10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	125	>12	40-70	Xấp xỉ
	Bái Thượng	125	<30	40-80	<10-20
	Thanh Hóa	226	>3	60-100	<10-20
	Quỳ Châu	285	>66	60-100	>10-20
	Cửa Rào	70	<40	40-80	>10-20
	Đô Lương	236	<31	100-140	>10-20
	Vinh	327	<37	130-180	>10-20
	Hương Sơn	328	<42	150-200	>10-20
	Hương Khê	471	<20	200-250	>10-20
	Hà Tĩnh	576	<22	300-400	>10-20
	Đồng Hới	974	>54	270-370	>10-20
	Quảng Trị	771	>12	430-550	>15-30

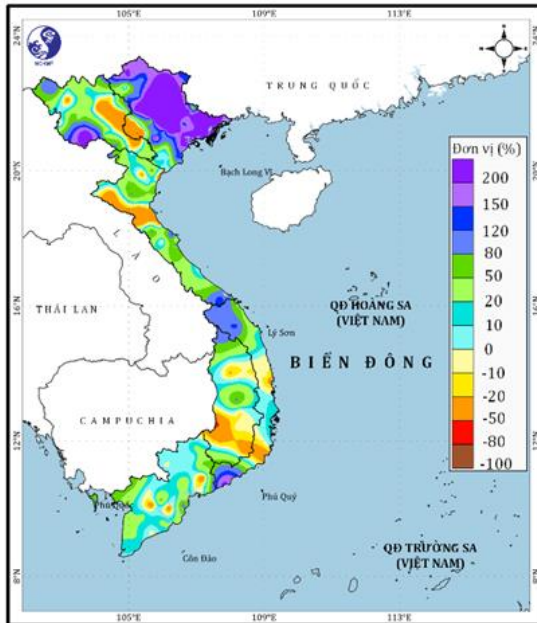
Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Nam Đông	2358	>139	950-1050	>15-30
	Huế	1507	>84	700-900	>15-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	982	>49	560-660	>15-30
	Trà My	2141	>127	1100-1300	>15-30
	Ba Tơ	1028	>27	1000-1200	>15-30
	Quảng Ngãi	757	>11	620-720	>10-20
	Quy Nhơn	355	<32	500-600	>10-20
	An Khê	297	<12	350-450	>10-20
	Tuy Hòa	589	>5	580-680	>10-20
	Nha Trang	377	>16	400-500	>10-20
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	199	>4	100-180	>10-20
	Lắk	198	<5	140-200	>10-30
	Buôn Mê Thuật	178	<11	110-180	>10-30
	Biên Hòa	322	>16	110-280	>10-30
	Cần Thơ	282	>5	130-200	>10-20

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính*Đơn vị: $10^6 m^3$*

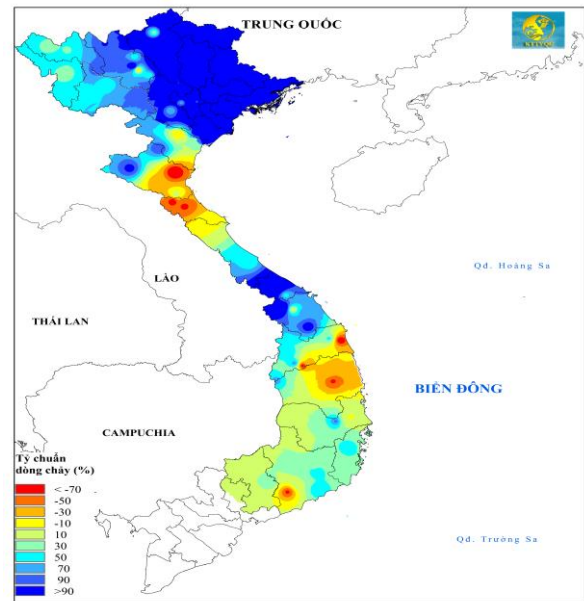
Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	2973	>48	765	<35
Lô	Tuyên Quang	W	8373	>465	1763	<0
Đà	Hồ Hòa Bình	W	7309	>43	2592	<17
Hồng	Hà Nội	W	14375	>156	3758	<2
Cầu	Gia Bảy	W	1024	>733	124	>24
Lục Nam	Chũ	W	623	>646	38	<19
Mã	Cầm Thủy	W	2357	>94	804	>18
Cả	Yên Thượng	W	3327	>8	1296	<7
La	Hòa Duyệt	W	787	<18	829	>73
Tả Trách	Thượng Nhật	W	237	>102	280	>148
Thu Bồn	Nông Sơn	W	2603	>52	4147	>58
Trà Khúc	Sơn Giang	W	1556	>34	2644	>44
Ba	Cung Sơn	W	996	<22	1244	<38
Cái N,T	Đồng Trăng	W	244	>40	402	>34
ĐăkBlá	KonTum	W	86	< 81	117	<70
Srêpôk	Giang Sơn	W	399	>8	583	>22
Tiền	Tân Châu	W			45801	>20
Hậu	Châu Đốc	W			9147	>12

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/10/2025



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa so với TBNN



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN